

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2022
V/v “Tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Phạm Thị Thu Trang

- Bà Võ Thị Ngọc The

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa:

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “ *Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thanh K**, sinh năm: 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm: 1970 (Đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản Phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn chị Phan Thanh K trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành T chung sống với nhau vào ngày 08/10/2004, không có đăng ký kết hôn. Trước khi cưới vợ chồng có tìm hiểu nhau trước 06 tháng, hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tấn có tính hay

ghen tuông, những lúc ghen tuông anh T thường dùng nhiều lời lẽ không hay xúc phạm chị, thậm chí còn nhiều lần đánh đập chị. Từ đó, vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại, đời sống chung không còn tìm thấy hạnh phúc. Hơn nữa, anh T sống không có trách nhiệm với vợ con. Chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Lâu dần mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 20/4/2022 cho đến nay.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, tình cảm vợ chồng đến nay không thể hàn gắn lại được.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 29/4/2005.

Cháu D hiện đang chung sống với chị và cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi vợ chồng ly hôn.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa chị Phan Thanh K yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 29/4/2005, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, Biên bản Phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn anh Nguyễn Thành T trình bày: Anh và chị Phan Thanh K chung sống với nhau vào ngày 08/10/2004, không có đăng ký kết hôn. Trước khi cưới vợ chồng có tìm hiểu nhau trước 06 tháng, hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh có tính hay ghen tuông, những lúc ghen tuông trong lúc nóng tính anh có dùng nhiều lời lẽ không hay xúc phạm vợ, đôi khi thỉnh thoảng cũng có đánh vợ nhưng không có gây thương tích gì lớn. Từ đó, vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại, đời sống chung

không còn tìm thấy hạnh phúc. Vợ chồng đã cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 20/4/2022 cho đến nay.

Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 29/4/2005.

Cháu D hiện đang chung sống với mẹ và cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi vợ chồng ly hôn.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về phần nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Anh Nguyễn Thành T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Phan Thanh K.

- Về con chung: Anh đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 29/4/2005 cho chị Phan Thanh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Thành T cư trú tại Ấp L, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Thành T có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị K đồng ý xét xử vắng mặt anh T. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thành T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thanh K và anh Nguyễn Thành T tự nguyện xác lập mối quan hệ hôn nhân từ năm 2004, đến thời điểm hiện tại tuy có đủ

điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06- 01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định “Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của chị K, anh T là do chị K cho rằng, trong thời gian chung sống, do anh T có tính hay ghen tuông, những lúc ghen tuông anh T thường dùng nhiều lời lẽ không hay xúc phạm chị, thậm chí còn nhiều lần đánh chị. Từ đó, vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại, đời sống chung không còn tìm thấy hạnh phúc. Những mâu thuẫn này, trong quá trình giải quyết vụ án, phía anh T đều thừa nhận và anh đồng ý ly hôn với chị K. Xét hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng không khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa anh T, chị K tiến tới hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm về mặt hình thức, nên Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thành T và chị Phan Thanh K.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị Phan Thanh K. Hội đồng xét xử xét thấy, Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 29/4/2005. Tại Biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 21/6/2022 cháu D đề đạt nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi anh T, chị K ly hôn. Phía anh T đồng ý giao cháu D cho chị K nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Hồng D cho chị Phan Thanh K tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng, Anh Nguyễn Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Khá không yêu cầu.

[5] Anh Tấn, chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh T, chị K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thanh K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06 - 01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thanh K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thành T và chị Phan Thanh K.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 29/4/2005 cho chị Phan Thanh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thành T được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Anh T, chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh T, chị K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thanh K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Phan Thanh K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006453 ngày 26/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Chị Phan Thanh K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với anh Nguyễn Thành T có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

